

Bản án số: 38/2020/HS-PT

Ngày: 28-5-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thư

Các thẩm phán: Ông Phạm Tiến Hiệp

Bà Lê Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phương Tình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên Tòa:
Ông Lê Quốc Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 12/TLPT-HS ngày 09 tháng 01 năm 2020 đối với các bị cáo Ngô T L, Lê Thiện M, Nguyễn Bá H.

Do có kháng cáo của các bị cáo Ngô T L, Lê Thiện M, Nguyễn Bá H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2019/HS-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Ngô T L (L Phệ, Phệ Lác), sinh năm 1989; HKTT và chỗ ở: Thôn 10, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 02/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; họ tên cha: Ngô Văn V, sinh năm: không rõ, họ tên mẹ: Trịnh Thị N, sinh năm: không rõ; vợ, con: Chưa có; tiền án: 02, ngày 30/6/2010, bị Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản, đến ngày 22/12/2010 chấp hành xong. Ngày 20/01/2011, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án số 15/2011/HSST ngày 20/01/2011, đến ngày 25/4/2012 thì chấp hành xong. Ngày 16/4/2013, bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án số 50/2013/HSST, đến ngày 30/4/2014 chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa chấp hành xong án phí; tiền sự: không. Bị bắt, tạm giữ tạm giam từ ngày 15/3/2017 cho đến nay, “có mặt”.

2. Lê Thiện M (M Đen), sinh năm 1995; HKTT và chỗ ở: Thôn 7, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 6/12; Quốc

tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; họ tên cha: Lê Thiện L – (đã chết), họ tên mẹ: Đào Thị H, sinh năm 1960; bị cáo có 04 anh, chị, em ruột, lớn nhất sinh năm 1983 và nhỏ nhất sinh năm 1998; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: 01, ngày 19/9/2013, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt 03 năm 09 tháng tù về Tội mua bán trái phép chất ma túy tại Bản án số 105/2013/HSST, ngày 23/2/2016 chấp hành xong; tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ tạm giam từ ngày 19/10/2016 đến ngày 08/02/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang cho bảo lãnh, “có mặt”.

3. Nguyễn Bá H (H Cóc), sinh năm 1996; HKTT và chỗ ở: Thôn 2, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; họ tên cha: Nguyễn Bá M, sinh năm 1973, họ tên mẹ: Trần Thị D, sinh năm 1977; bị cáo có người em ruột là Nguyễn Bá C, sinh năm: 1998; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; Bị bắt, tạm giữ tạm giam từ ngày 25/10/2016 đến ngày 08/8/2018 được trả tự do, “có mặt”.

*** Người bào chữa cho các bị cáo Lê Thiện M và Nguyễn Bá H:**

Luật sư Nguyễn Minh T, sinh năm 1978 (có mặt)
Là luật sư thuộc Đoàn luật sư T phố Hồ Chí Minh.

*** Những người bị hại:**

1. Ông Đặng Thanh H, sinh năm 1970 (xin vắng)
 2. Bà Đinh Thị L, sinh năm 1985 (xin vắng)
- Cùng trú tại: Thôn 1, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Trần Đức Toàn, sinh năm 1995 (vắng mặt)
Trú tại: Thôn 10, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước
 2. Ông Nguyễn Bá M, sinh năm 1973 (vắng mặt)
 3. Bà Trần Thị D, sinh năm 1977 (có mặt)
- Cùng trú tại: Thôn 2, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước

*** Người làm chứng:**

1. Vương Quốc V – (V Doanh), sinh năm: 1987 (có mặt)
Trú tại: Thôn 8, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước
2. Đỗ Văn N – (Nam C), sinh năm: 1997 (có mặt)
Trú tại: Thôn 01, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước
3. Đàm Khắc H – (Hiền), sinh năm: 1995 (có mặt)
Trú tại: Thôn 8, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước
4. Ông Phạm Văn C – (Cu Anh), sinh năm: 1994 (có mặt)
Trú tại: Thôn 6, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước
5. Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1988 (vắng mặt)
Trú tại: Thôn 2, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước
6. Ông Hoàng Văn V, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn 2, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước

7. Ông Bùi Quốc T (Híp), sinh năm 1994 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn 4, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước

8. Ông Hoàng Trọng H, sinh năm 1981 (xin vắng)

Trú tại: Thôn 4, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước

9. Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn 10, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước

*** Người tham gia tố tụng khác:**

Ông Trần Văn T – Điều tra viên Công an huyện P, tỉnh Bình Phước (có mặt)

Ông Hồ Xuân H - Cán bộ điều tra Công an huyện P, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

Ông Nguyễn Văn T – Cán bộ điều tra Công an huyện P, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác nhưng những người này không kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngô T L là đối tượng sống lang thang không có việc làm, nơi ở ổn định, vì cần tiền tiêu xài nên L đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng với Lê Thiện M và Nguyễn Bá H, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Khoảng 10 giờ ngày 17/10/2016, L gặp M và H tại quán cà phê “Nhật Nguyên” thuộc thôn T, xã B, huyện P, tại đây L đã rủ H và M cùng tham gia trộm cắp tài sản thì tất cả đồng ý. L nói với H và M “có nhà này tao để ý lâu rồi, nay cả nhà đi đấm, có gì vào lấy trộm” thì M và H đồng ý (BL 128, 145). Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, L mang theo một cái xà beng nhỏ đinh, một cái kìm và một cái kìm mỏ lết rồi điều khiển xe mô tô hiệu Dream (chưa xác định được biển số) chở M và H từ quán cà phê Nhật Nguyên đi vào nhà ông Đặng Thanh H - SN: 1970 tại thôn 01, xã L, huyện P để trộm cắp tài sản. Khi cách nhà ông H khoảng 100 mét thì L dừng lại và giấu xe ở bụi cây trong vườn điều, L bảo H và M đứng đợi, còn L cầm theo xà beng và kìm đi bộ đến nhà ông H. Khoảng 15 phút sau, L vẫy tay gọi H và M đi vào nhà ông H. Sau đó, cả hai cùng đi bộ đến nhà ông H, khi đến hàng rào lưới sắt B40, H và M đập hàng rào này (hàng rào L đã cắt sẵn) để đi vào, thấy cửa phía sau đã bị phá sẵn nên H và M mở cửa đi vào trong. L nói H đứng ở cửa sổ phòng khách cảnh giới, còn L và M đi vào phòng ngủ lục tìm tài sản. Tại đây, L và M phát hiện có một cái két sắt, cả hai kéo két sắt này ra giữa phòng ngủ thứ nhất sát phòng khách rồi dùng xà beng nhỏ đinh và kìm cạy phá nhưng không phá được, L liền đi ra phía sau nhà lấy một cái xà beng dài khoảng 1 mét (xà beng của gia

đình ông H) vào tiếp tục cạy phá kết sắt, đồng thời nói M “đi lấy con dao” thì M ra phía sau nhà kho lấy một con dao rựa để lên giúp L đục kết sắt, khi M đi lấy dao quay lại thì L đã đục được kết sắt và M hỏi L có lấy được gì không thì L trả lời “có mấy triệu bạc” (Bút lục 129, 131). L, M tiếp tục lục tìm tài sản và lấy thêm 01 cái máy tính xách tay (laptop) hiệu Asus, màu đen, màn hình 16 inch ở ngăn tủ bàn học trong phòng khách và 01 ti vi hiệu LG loại 37 inch, màu đen ở để trên tủ ở phòng khách. Sau khi lấy tài sản xong, M cầm máy tính xách tay còn H ôm ti vi rồi cả ba đi ra chỗ giấu xe. L điều khiển xe, M ngồi giữa ôm cái laptop, H ngồi phía sau ôm ti vi rồi cùng nhau đi ra hướng xã B. Khi đi được một đoạn ngang qua vườn điều nhà dân thuộc thôn Tân Lục 2, xã B, huyện P do đường trơn nên L nói với H “mang ti vi vào bụi cây trong vườn điều giấu”, H đem giấu tivi vào bụi cây xong, L tiếp tục điều khiển xe mô tô chở H và M về quán cà phê Nhật Nguyên. Tại đây, L đưa cho M 1.500.000 đồng, đưa cho H 2.000.000 đồng và đưa thêm cho M 1.200.000 đồng để mua ma túy sử dụng nhưng M không đi mua mà trả lại cho L 1.000.000 đồng (Bút lục 130, 132). Số tiền được L chia thì M và H tiêu xài cá nhân hết.

Khoảng 19 giờ cùng ngày, ông H về nhà thì phát hiện sự việc nên đã đến Cơ quan Công an trình báo bị mất các tài sản gồm: 01 đôi bông tai bằng vàng 18K, trọng lượng 7,3 phân; 01 nhẫn vàng 18K, trọng lượng 1,8 chỉ; 01 kiềng đeo cổ bằng vàng 18K, trọng lượng 2,5 chỉ; 01 cái máy tính xách tay (laptop) hiệu Asus, màu đen, màn hình 16 inch; 01 ti vi hiệu LG, loại 37 inch, màu đen và số tiền 38.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 120 ngày 10/11/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện P xác định: tại thời điểm ngày 17/10/2016 thì giá trị của số vàng gồm: 01 đôi bông tai bằng vàng 18K, trọng lượng 7,3 phân; 01 nhẫn vàng 18K, trọng lượng 1,8 chỉ, 01 kiềng đeo cổ bằng vàng 18K, trọng lượng 2,5 chỉ là 13.072.970 đồng; giá trị của 01 cái máy tính xách tay (laptop) hiệu Asus, màu đen, màn hình 16 inch là 2.476.000 đồng và giá trị của 01 ti vi hiệu LG, loại 37 inch, màu đen là 3.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 18.548.970 đồng (BL 69).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 19 ngày 08/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện P kết luận giá trị của 01 kết sắt hiệu Việt Tiệp, màu xám đen, các bề mặt kết sắt bị bong tróc sơn, bị lõm vào trong có giá trị sử dụng còn lại là 400.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, L khai nhận đã lấy được từ trong kết sắt của gia đình ông H số tiền 28.000.000đ cùng với số vàng, ti vi, và máy tính xách tay như trên. Sau đó, L mang số vàng trộm cắp được xuống T phố Hồ Chí Minh bán cho một tiệm vàng không rõ địa chỉ với giá 14.000.000 đồng, còn máy tính xách tay L đưa cho Vương Quốc V nhờ Việt bán giùm nhưng chưa lấy tiền và đến nay vẫn chưa gặp lại Việt.

Như vậy tổng tài sản mà L, M và H chiếm đoạt của gia đình ông H mà Cơ quan điều tra chứng minh được là 46.548.970 đồng.

Vụ thứ hai:

Khoảng 09 giờ ngày 13/10/2016, lợi dụng lúc ông Lê Thiện L đang ngủ và bà Đào Thị H đang giặt quần áo phía sau nhà (ông L, bà H là cha, mẹ bị can M), Lê Thiện M nảy sinh ý định lấy trộm tiền của bố mẹ để tiêu xài cá nhân (BL 188, 190). M đã lén lút lấy chìa khóa tủ để ở phòng khách rồi đi vào phòng ngủ ở tầng trệt dùng chìa khóa mở tủ, M lục tìm thì phát hiện có một cuốn sổ bên trong sổ kẹp một xấp tiền loại tiền Polyme, mệnh giá 500.000 đồng (BL 190), M đã lấy số tiền là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) bỏ vào túi quần rồi đi khỏi nhà và tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, ông L và bà H kiểm tra tiền thì phát hiện bị mất số tiền trên và nghi ngờ M là người đã lấy trộm, ông L gọi điện hỏi M thì M đã thừa nhận lấy trộm của cha, mẹ 2.500.000 đồng nên ông L trình báo với Công an xã L. Do biết sự việc trộm tiền của cha, mẹ đã bị phát hiện nên ngày 19/10/2016, M đã đến Công an huyện P đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngoài ra, M khai nhận vào khoảng tháng 07/2016 M lấy trộm của ông L, bà H một cặp lục bình bằng gỗ Còng, màu đen, cao 88cm và đến tháng 8/2016 M lấy trộm của nhà ông L, bà H một cặp con hạc bằng gỗ Muồng đen, cao khoảng 60cm. Sau khi lấy được tài sản, M mang cặp lục bình đi bán cho Đặng Ngọc L; SN: 1984; HKTT: thôn 10, xã L, huyện P với giá 1.200.000 đồng và tặng cho L một cặp con hạc bằng gỗ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 142 ngày 19/12/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện P xác định: tại thời điểm tháng 8/2016 thì một cặp lục bình bằng gỗ Còng, màu đen, cao 88cm có giá là 1.900.000 đồng và một cặp con hạc bằng gỗ Muồng đen, cao khoảng 60cm có giá là 1.700.000 đồng. (Bút lục 197).

Do các lần trộm cắp tài sản này, giá trị tài sản không đủ định lượng để xử lý hình sự nên CQĐT Công an huyện P đã xử lý hành C về hành vi trộm cắp tài sản đối với M.

Vụ thứ ba:

Khoảng 05 giờ ngày 19/06/2016, Ngô T L đi bộ dọc đường đất đỏ L thôn thuộc thôn 10, xã L, huyện P, khi đi đến lô cao su của nhà ông Mai Nguyệt C, L phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Cub 82, màu xanh, biển số 36-025-X5 để trong vườn cao su nhà ông C. Lúc này, ông C đang cạo mủ cách chiếc xe khoảng 200m, L đi đến gần chiếc xe mô tô trên thì phát hiện trên xe có gắn sẵn chìa khóa. L đẩy xe mô tô ra đường đất cách lô cao su khoảng 100 mét rồi nổ máy chạy xe đi tiêu thụ. Khi đến ngã ba Góc Gỗ thuộc xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước thì L gặp Đinh Hoàng T; Sn: 1995; HKTT: thôn Đức Lập, xã P, huyện B nhờ T bán xe thì T đồng ý. T mang chiếc xe bán cho Vương Quốc C; Sn: 2000; HKTT: thôn Tân Lập, xã P, huyện B với giá 2.000.000 đồng. Sau khi bán được xe thì L cho T 300.000 đồng còn lại 1.700.000 đồng L tiêu xài cá nhân hết. C mua chiếc xe này giùm cho Nguyễn Duy B, HKTT: thôn Tân Lập, xã P, huyện B để làm P tiện đi lại. Đến ngày 24/6/2016, ông C phát hiện xe của mình đang ở địa điểm thu mua mủ cao su gần ngã ba Góc Gỗ thuộc thôn Đức Lập, xã P, huyện B nên trình báo cho Công an xã P

tạm giữ xe mô tô trên. Công an huyện B đã bàn giao hồ sơ vụ án và xe mô tô này cho Cơ quan điều tra Công an huyện P xử lý theo quy định.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 86 ngày 15/8/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện P xác định: tại thời điểm ngày 19/06/2016 xe mô tô Honda Cub 82, màu xanh, biển số: 36-025-X5 có giá trị là 2.500.000 đồng. (BL 503).

Vụ thứ tư:

Khoảng 02 giờ ngày 15/01/2017, bà Hoàng Thị T; SN: 1977; HKTT: thôn 2, xã L, huyện P điều khiển xe mô tô hiệu Sirius, màu đen – bạc, biển số: 93T7 – 1653 đi cao mủ trong vườn cao su tại thôn 6, xã L, huyện P. Đến khoảng 04 giờ cùng ngày, L đi bộ ngang qua lô cao su nhìn thấy chiếc xe mô tô của bà T không có người trông coi, trên xe có gắn sẵn chìa khóa nên L nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe bán lấy tiền tiêu xài (BL 453). L đến chỗ chiếc xe đẩy bộ xe về hướng Nông trường 3 – Công ty cao su P khoảng 200 mét thì L nổ máy xe chạy bỏ chạy. Đến ngày 22/01/2017, L mang chiếc xe mô tô này đến quán cà phê “Cuối phố” thuộc thôn 4, xã L gặp và hỏi Trần Văn K; SN: 1995; HKTT: thôn 5, xã L, huyện P có mua xe mô tô không, K hỏi “bao nhiêu, xe ở đâu ra”, L nói xe trộm cắp mà có và giá là 3.000.000 đồng thì K đồng ý mua nhưng vì K chưa có tiền trả nên L chưa lấy tiền mà giao xe cho K sử dụng trước. Đến ngày 23/01/2017, K đi xe mô tô trên đến uống rượu với bạn bè tại nhà của Nguyễn Tiến T; SN: 1995; HKTT: thôn 1, xã L, huyện P. Trong lúc uống rượu, T mượn xe mô tô của K đi mua bia, khi đi trên đường thì T bị Công an xã L kiểm tra, thu giữ xe mô tô trên. Sau khi lấy trộm xe L sợ bị công an bắt nên đã tháo biển số xe 93T7 – 1653 là biển số thật của xe vớt ở khu vực thôn B, xã B, huyện P trên đường đi và gắn biển số giả 93T3 – 8338 vào xe.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 27 ngày 28/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện P kết luận: Tại thời điểm ngày 15/01/2017 thì xe mô tô hiệu Sirius, màu đen – bạc, biển số: 93T7 – 1653 có giá trị là 5.000.000 đồng.

Vụ thứ năm:

Khoảng 04 giờ 30 phút ngày 23/01/2017, ông Nguyễn M T; Sn: 1972; HKTT: thôn 10, xã L, huyện P điều khiển xe mô tô hiệu Lever, biển số 60N4 – 5254 chở vợ là bà Hoàng Thị Đ; SN: 1977 vào vườn cà phê thuộc thôn 6, xã L, huyện P để dọn dẹp vườn. Khi đến nơi thì ông T dựng xe ở giữa vườn và làm việc. Lúc này, Ngô T L đang nằm võng ở vườn điều nhà ông Nguyễn Văn P (giáp ranh vườn nhà ông T). Khoảng 6 giờ cùng ngày, vợ chồng ông P ra vườn quét lá điều thì gặp L đang nằm võng nên ông P hỏi L tại sao nằm đây thì L bỏ đi. L đi bộ sang vườn nhà ông T để đi về xã L, khi cách vợ chồng ông T khoảng 100 mét thì L thấy chiếc xe mô tô của ông T đang dựng ở giữa vườn, trên xe vẫn gắn chìa khóa nên L nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe bán kiếm tiền tiêu xài cá nhân. L núp sau gốc cây điều chờ vợ chồng ông T mất cảnh giác thì lấy xe. Đến khoảng hơn 7 giờ sáng cùng ngày, L lợi dụng lúc vợ chồng ông T không để ý nên đã đi đến chỗ dựng xe

đẩy chiếc xe ra khỏi vườn nhà ông T. Khi đi ra ngoài đường thì L nổ máy xe chạy lên xã Đ, huyện B thì L gặp M (chưa rõ nhân thân, lai lịch) và cầm xe mô tô này cho M với giá 500.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 71/HĐ.ĐGTSTTHS ngày 05/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P xác định: tại thời điểm ngày 23/01/2017 thì: 01 xe Mô tô hiệu Lever, biển số 60N4 – 5254 có giá là 2.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2019/HS-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước đã tuyên xử:

Tuyên bố các bị cáo Ngô T L (L Phệ, Phệ Lác), Lê Thiện M (M Đen), Nguyễn Bá H (H Cóc) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; các Điều 45; Điều 33; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999

Xử phạt bị cáo Ngô T L 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/3/2017.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; các Điều 45; Điều 33; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999

Xử phạt bị cáo Lê Thiện M 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính ngày bị cáo đi thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 19/10/2016 đến ngày 08/02/2019.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 138; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 45; Điều 33; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá H 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng 14 (Mười bốn) ngày tù. Thời hạn tù tính ngày 25/10/2016. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/11/2019 bị cáo Nguyễn Bá H có đơn kháng cáo kêu oan.

Ngày 03/12/2019 các bị cáo Ngô T L, Lê Thiện M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và kháng cáo cho rằng không thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ngày 17/10/2016 của bị hại ông Đặng Thanh H và bà Đặng Thị L.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Ngô T L, Lê Thiện M và Nguyễn Bá H không thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản ngày 17/10/2016 tại gia đình ông Đặng Thanh H và bà Đinh Thị L.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Thiện M và Nguyễn Bá H cũng có quan điểm các bị cáo không thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ngày 17/10/2016 của ông Đặng Thanh H và bà Đinh Thị L và đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện P để điều tra lại.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Ngô T L, Lê Thiện M và Nguyễn Bá H đều không thừa nhận hành vi phạm tội vào ngày 17/10/2016 như Bản án sơ thẩm đã nhận định.

[2] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Trong quá trình điều tra các bị cáo cho rằng các bị cáo bị điều tra viên Phan Văn T ép cung, nhục hình là không có cơ sở, bởi lẽ trong quá trình điều tra các bị cáo không có khiếu nại hành vi của điều tra viên và cũng không có chứng cứ chứng minh điều tra viên Trường ép cung, nhục hình, hơn nữa ngoài điều tra viên Phan Văn T tiến hành lấy lời khai còn có điều tra viên Nguyễn Văn G, Kiểm sát viên Mai Phi H, Nguyễn Thị N tiến hành lấy lời khai các bị cáo cũng đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình thực hiện vào ngày 17/10/2016. Ngoài ra, trong quá trình điều tra, trước khi tiến hành lấy lời khai của các bị cáo, các Điều tra viên đều giải thích quyền và nghĩa vụ của các bị cáo theo quy định của pháp luật, các bị cáo đều tự nguyện ký xác nhận.

[3] Trong quá trình điều tra ban đầu, các bị cáo đều thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của gia đình ông Đặng Thanh H, bà Đinh Thị L vào ngày 17/10/2016. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, quá trình thực nghiệm điều tra, bản kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Các bị cáo đều khai bị cáo L là người rủ bị cáo H, M đến nhà ông H trộm cắp tài sản do L biết nhà ông H có đám nên không có ai ở nhà (Bút lục 134, 136, 141, 142, 143, 144, 139, 240, 569, 574, 575, 576, 577, 124, 126, 127, 128, 129, 130, 131, 132, 190, 191, 241, 242, 581, 310, 311, 312, 313, 314, 316, 317, 319, 320, 557). Bị hại ông Đặng Thanh H, bà Đinh Thị L và ông Đặng Văn Q (em trai ông H) đều có lời khai xác nhận chiều tối ngày 17/10/2016, gia đình ông H vào trong đám tiệc nhà ông Q vì gia đình ông Q tổ chức đám cưới con gái vào ngày 18/10/2016 (Bút lục 149, 151, 153, 157, 168). Lời khai của các bị cáo về diễn biến thực hiện hành vi trộm cắp phù hợp với nhau. Trong quá trình thực nghiệm điều tra ngày 25/11/2016 và ngày 10/5/2017, các bị cáo M, H, L diễn lại hành vi phạm tội phù hợp với diễn biến, quá trình thực hiện hành vi phạm tội, vị trí các tài sản trong nhà bị hại, đặc điểm hiện trường đúng theo lời khai nhận tội trong quá trình điều tra (Bút lục từ 58 – 67, từ 297 - 307). Mặt khác, tại Biên bản lấy lời khai ngày 01/11/2016, bị cáo M khai “*L lục trên bàn thờ và sau tấm ảnh Bác*” (Bút lục 131). Lời khai của bị cáo L phù hợp với bức ảnh

số 27 chụp buổi khám nghiệm hiện trường ngày 25/11/2016 thể hiện phía trên bàn thờ của gia đình ông H là tấm ảnh Bác Hồ (Bút lục 63). Do đó, các bị cáo cho rằng không thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 17/10/2016 của bị hại ông Đặng Thanh H và bà Đặng Thị L là không có căn cứ. Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 17/10/2016 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo H và kháng cáo không thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 17/10/2016 của các bị cáo L, M. Cần giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Ngô T L, Lê Thiện M, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương.

[5] Đối với bị cáo Ngô T L có 01 tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với các hành vi trộm cắp tài sản ngày 19/6/2016, ngày 15/01/2017, ngày 23/01/2017 và hành vi trốn khỏi nơi giam, giữ được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo 05 năm tù là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới, do vậy không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo.

[6] Đối với bị cáo Lê Thiện M có 01 tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi trộm cắp tài sản của ông Lê Thiện L và bà Đào Thị H do bị cáo thực hiện ngày 13/10/2016; bị cáo được bị hại là bà Đào Thị H xin giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới, do vậy không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí đã được giải quyết tại bản án hình sự sơ thẩm số 60/2019/HS-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết lại.

[8] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Thiện M và bị cáo Nguyễn Bá H tại phiên tòa không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[10] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Bá H;

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và kháng cáo cho rằng không thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ngày 17/10/2016 đối với bị hại ông Đặng Thanh H và bà Đặng Thị L của bị cáo Ngô T L và bị cáo Lê Thiện M;

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2019/HS-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

Tuyên bố các bị cáo Ngô T L (L Phệ, Phệ Lác), Lê Thiện M (M Đen), Nguyễn Bá H (H Cóc) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; các Điều 45; Điều 33; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999

Xử phạt bị cáo Ngô T L 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/3/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; các Điều 45; Điều 33; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999

Xử phạt bị cáo Lê Thiện M 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính ngày bị cáo đi thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 19/10/2016 đến ngày 08/02/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 45; Điều 33; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá H 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng 14 (Mười bốn) ngày tù. Thời hạn tù tính ngày 25/10/2016. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm đã được giải quyết tại bản án hình sự sơ thẩm số 60/2019/HS-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết lại.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Ngô T L, Lê Thiện M, Nguyễn Bá H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước; (1)
- PV 06 CA tỉnh Bình Phước; (1)
- TAND, VKSND huyện P; (2)
- Chi cục THADS huyện P; (1)
- Công an huyện P; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước; (1)
- Bị cáo (2)
- Người bào chữa;
- Đường sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Tổ HCTP; Lưu HSVA. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thư (đã ký)